

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA VIỄN  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HSST

Ngày: 28-9-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Xuân Tường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Hiến
- Ông Hà Xuân Ninh

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: ông Trần Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2023/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Thị N**, sinh năm 1991; nơi sinh: **huyện G, tỉnh Ninh Bình**; nơi ĐKKHKT: **thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**; chỗ ở hiện nay: **xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Điều dưỡng viên tại **bệnh viện y học cổ truyền tỉnh N**; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tạ Văn N1** và bà **Dư Thị H**; có chồng là **Vũ Hồng T** (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/6/2023 đến ngày 03/7/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N** cho tới nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** chị **Đinh Thị N2**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam**. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà **Dư Thị H**, sinh năm 1969; nơi cư trú: **xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Có mặt tại phiên tòa.
- Ông **Vũ Văn D**, sinh năm 1962; nơi cư trú: **phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Vắng mặt phiên tòa.

**Người làm chứng:** anh **Vũ Hồng T1**. Vắng mặt phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Tạ Thị N** là điều dưỡng viên làm việc tại **Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh N**. Do **N** đang nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 29/6/2023, sau khi hết giờ làm việc tại bệnh viện, **N** đội mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu đen, đeo khẩu trang màu trắng, mặc áo chống nắng nền màu vàng rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth biển kiểm soát 35B1- 492.86 của mình đi từ **thành phố N** để về nhà mẹ đẻ ở **xã G, huyện G**. Khi đi qua phòng giao dịch **Ngân hàng B**, **N** thấy đối diện bên kia đường có cửa hàng vàng bạc “Hải Dương” của bà **Đinh Thị N2**, sinh năm 1975, tại **số nhà E, quốc lộ A, thôn F, xã G, huyện G** nên **N** có ý định vào đó để chiếm đoạt tài sản. Để tránh bị phát hiện, **N** điều khiển xe mô tô đến đoạn đường vắng trong **khu công nghiệp G** (gần **công ty H1** thuộc địa phận **thôn T, xã G, huyện G**) rồi dừng lại mở cốp xe, lấy ra một chiếc bút lông viết bảng mực đen và dùng bút vẽ đề lên các con số của biển kiểm soát xe của mình từ số 35B1- 492.86 thành 30B1- X9288. Sau đó, khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày **N** điều khiển xe mô tô quay lại vào cửa hàng vàng bạc “Hải Dương” của bà **N2**. **N** dựng xe trước cửa hàng, đi vào trong cửa hàng gặp bà **N2** hỏi giá vàng và nói muốn mua một chiếc nhẫn 05 chỉ loại vàng “9999”, bà **N2** lấy cho **N** cầm xem. Do cùng lúc đó có khách ra vào trong cửa hàng, **N** sợ bị phát hiện nên lấy lý do là đi rút tiền rồi sẽ quay lại để mua chiếc nhẫn đó. **N** điều khiển xe đi đến đầu **cầu G** thuộc **xã N, huyện H** dừng xe đứng chờ đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày thì quay lại cửa hàng bà **N2**. Đến nơi thấy cửa hàng đã đóng cửa nên **N** nhờ anh **Vũ Hồng T1**, sinh năm 1989 (là hàng xóm bên cạnh nhà bà **N2**) gọi điện vào số điện thoại của bà **N2** nhưng anh **T1** không gọi được. Sau đó **N** điều khiển xe mô tô đi về phía **cầu G** cách cửa hàng khoảng 100m rồi dừng xe ở ven đường đứng chờ khoảng 15 phút thì đi xe quay lại cửa hàng. Khi đến nơi thấy cửa hàng đang mở cửa nên **N** đi xe lên vỉa hè, dựng xe theo hướng đầu xe quay ra đường và vặn đề xe nổ máy rồi vào trong gặp bà **N2**. Thấy **N** đẩy cửa kính đi vào, bà **N2** đi từ trong nhà ra và đứng phía trong tủ quầy hàng đối diện với **N**. Lúc này **N** yêu cầu bà **N2** đưa cho mình xem chiếc nhẫn 05 chỉ để mua, bà **N2** đã lấy 01 chiếc nhẫn 05 chỉ loại vàng “9999” từ trong tủ đưa cho **N** 01 chiếc nhẫn một chỉ vàng và cầm lại chiếc nhẫn 05 chỉ lúc trước. Xem nhẫn xong, **N** hỏi giá của hai chiếc nhẫn, bà **N2** tính tiền giá hai chiếc nhẫn là 33.300.000 đồng. **N** đồng ý mua và yêu cầu sẽ chuyển khoản tiền để thanh toán tiền nhẫn. Bà **N3** đồng ý cho **N** chuyển khoản thanh toán và cầm lại 2 chiếc nhẫn cất vào trong hộp nhẫn để vào bàn phía trong tủ quầy vàng. Do không có ý định trả tiền nên **N** cầm điện thoại làm động tác giả vờ bấm điện thoại quét mã QR của cửa hàng để thanh toán rồi **N** nói mình đã chuyển tiền thành công và bảo bà **N3** đợi. Trong lúc đợi chuyển tiền, **N** đưa cho bà **N3** 01 chiếc nhẫn vàng tây (là chiếc nhẫn cưới của **N**) đã bị cũ, méo nên nhờ bà **N3** sửa lại, bà **N3** đồng ý sửa, hẹn



N sáng hôm sau đến lấy và cắt chiếc nhẫn đi. Trong lúc nói chuyện bà N3 có hỏi N: “Sao lâu thế mà vẫn chưa nhận được tiền chuyển khoản”, N nói: “Cô đợi tí”, nói xong thì bảo bà N3 đưa lại chiếc nhẫn 05 chỉ cho mình xem lại. Bà N3 cầm chiếc nhẫn 05 chỉ đưa cho N cầm trên tay xem. Lúc này N vờ nói với bà N3: “Chuyển tiền thành công rồi, cô xem nhận được chưa”. Nghe vậy bà N3 quay người lại lấy điện thoại đang để ở bàn phía sau thì N cầm chiếc nhẫn vàng 05 chỉ đeo ở ngón trỏ tay phải chạy ra ngoài lên xe mô tô của mình điều khiển xe mô tô bỏ chạy về hướng thành phố N. Thấy N cầm nhẫn chạy ra ngoài, bà N3 biết là bị cướp giật nên đã chạy theo sau để giữ lại nhưng N đã kịp lên xe chạy thoát, bà N3 đuổi theo sau và hô: “Cướp” cho mọi người xung quanh truy bắt nhưng không kịp. Sau đó bà N3 đã đến Công an xã G trình báo vụ việc.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc nhẫn vàng, N điều khiển xe mô tô chạy lên đê H rẽ xuống xã G đi về phía thị trấn M. Khi đến gần UBND xã G, để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, N dựng xe cời áo chống nắng ra cất vào cốp xe rồi đi đến cửa hàng vàng “N” ở thị trấn M, huyện G bán chiếc nhẫn 05 chỉ vừa cướp giật được cho ông Vũ Văn D, sinh năm 1962, trú tại phố M, thị trấn M, huyện G là chủ cửa hàng. Khi bán N nói chỉ bán 04 chỉ vàng, còn 1 chỉ N yêu cầu ông D trả lại bằng vàng cùng loại. Ông D đã kiểm tra tuổi vàng, cân xác định khối lượng thấy đúng như N nói, sau đó đã trả cho N 21.880.000 đồng tiền mặt cho 04 chỉ vàng và 01 chiếc nhẫn 01 chỉ loại vàng “9999” mang nhãn hiệu “Ngọc Diệp”. Sau khi bán được tài sản, N đi về nhà mẹ đẻ là bà Dư Thị H, sinh năm 1969 ở xóm H, xã G. N bỏ chiếc nhẫn 01 chỉ vào hộp sắt ở tủ quần áo của bà H mà không nói cho ai biết, còn số tiền bán vàng N để ở cốp xe mô tô của mình. Sáng ngày 30/6/2023, N đi xe mô tô đến Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh N làm việc như thường lệ.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, qua đó xác định người chiếm đoạt tài sản của bà N3 là Tạ Thị N. Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 30/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và Quyết định tạm giữ đối với Tạ Thị N về hành vi cướp giật tài sản. Thu giữ của Tạ Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth biển kiểm soát 35B1- 492.86; 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại nửa đầu, trên mũ có chữ “Honda Thắng Luyện”; 01 áo chống nắng loại trùm kín chân, tay, đầu, nền áo màu vàng in họa tiết màu đen, cỡ XL; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu S; 01 bút lông viết bảng WB- 03, mực màu đen và số tiền 21.880.000 đồng. Thu giữ tại cửa hàng V của ông Vũ Văn D 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, mặt trong có chữ và số “Kim Thành 9999”. Thu giữ tại cửa hàng V1 của bà Đinh Thị N2 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 1,7cm, mặt ngoài khắc hoa văn và đính đá, mặt trong có khắc chữ “CN”.

Ngày 07/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định trưng cầu giám định số 86/CQĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự, Bộ C giám định hóa học đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, dạng nhẫn tròn trơn, mặt trong nhẫn khắc chữ và số “Kim Thành 9999” thu giữ tại cửa hàng vàng bạc “N”. Tại bản kết luận giám định số 5114/KL- KTHS, ngày 19/7/2023 của V2 - Bộ



**C** kết luận: 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn có các chữ và số “Kim Thành 9999” gửi giám định có khối lượng 18,74 gam là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,95%.

Ngày 26/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện G ra yêu cầu định giá tài sản số 193/YC- CQĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị của 01 nhẫn kim loại bằng vàng (Au) loại nhẫn dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn khắc chữ và số “Kim Thành 9999” có khối lượng 18,74 gam. Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG- HĐ ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 nhẫn kim loại bằng vàng (A) loại nhẫn dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn khắc chữ và số “Kim Thành 9999” có khối lượng 18,74 gam trị giá 27.485.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT – VKS - GV ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Tạ Thị N về tội: “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 và khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Thị N phạm tội: “Cướp giật tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Thị N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/6/2023.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth biển kiểm soát 35B1- 492.86; 01 điện thoại đi động màu đen, nhãn hiệu S, tịch thu tiêu hủy 01 bút lông bảng WB- 03, mực màu đen là tài sản của bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tạ Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cho rằng việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bà Dư Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến, tranh luận gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 15 phút, ngày



29/06/2023, tại cửa hàng vàng bạc “Hải Dương” của bà Đinh Thị N2 ở số nhà E, quốc lộ A, thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo N đã có hành vi vờ hỏi mua vàng của bà N2, sau đó khi bà N2 đưa cho N xem 01 chiếc nhẫn 05 chỉ loại vàng 9999, có khối lượng 18,74 gam trị giá 27.485.000 đồng, N vờ bấm điện thoại quét mã QR để thanh toán tiền mua chiếc nhẫn cho bà N2, lợi dụng lúc bà N2 sơ hở, N đã cầm chiếc nhẫn nêu trên nhanh chóng chạy ra xe mô tô tẩu thoát.

[2] Bị cáo N là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi cướp giật tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân và mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định về tội: “*Cướp giật tài sản*” như sau:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ.

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn truy tố bị cáo Tạ Thị N là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Tạ Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Người bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: bị cáo N có nhân thân tốt từ trước tới nay chưa vi phạm pháp luật.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đề nghị xử phạt bị cáo là nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo N do nợ nần, túng quẫn bột phát nhất thời phạm tội, nên cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho bản thân và cho xã hội đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.



[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo **N** nhất thời nảy sinh ý định cướp giật tài sản để trả nợ bản thân bị cáo mới ly hôn và còn phải nuôi con nhỏ, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo **N**.

Ngoài trong vụ án này ông **Vũ Văn D** là người mua chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 9999 do bị cáo **N** cướp giật của bà **Đinh Thị N2**. Quá trình điều tra xác định ông **D** không biết chiếc nhẫn trên là do phạm tội mà có. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với ông **D**. Đối với bà **Dư Thị H** là mẹ đẻ của của bị cáo **N** quá trình điều tra xác định việc bị cáo đem chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 9999 cất vào hộp sắt ở tủ quần áo của bà **H**, bà **H** không biết. Sau khi được cơ quan Công an thông báo, bà **H** đã đem chiếc nhẫn trả lại cho ông **D**. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối với bà **H**.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth biển kiểm soát 35B1-492.86 và 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03 Core thu giữ của bị cáo **N**. Quá trình điều tra xác định đây là công cụ, phương tiện **N** sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bút lông bảng WB-03, mực màu đen. Quá trình điều tra xác định là đồ vật **N** sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 21.880.000 đồng thu giữ của bị cáo **N**. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông **Vũ Văn D** trả cho **N** để mua chiếc nhẫn 05 chỉ, ông **D** không biết chiếc nhẫn mua của **N** là do **N** phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan CSĐT **Công an huyện G** đã trả lại số tiền trên cho ông **D** là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại bằng vàng, loại nhẫn dạng tròn trơn, mặt trong khắc chữ và số “Kim Thành 9999” thu giữ tại cửa hàng vàng bạc “**N**”. quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà **Đinh Thị N2**, là chủ cửa hàng vàng bạc “Hải Dương”. Vì vậy Cơ quan CSĐT **Công an huyện G** đã trả lại chiếc nhẫn trên cho bà **N2** là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 1,7cm, mặt ngoài khắc hoa văn và đính đá, mặt trong khắc chữ “CN” thu giữ tại cửa hàng vàng bạc “Hải Dương”; 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại nửa đầu, trên mũ có chữ “Honda **T1** Luyên” và 01 áo chống nắng loại trùm kín chân, tay, đầu, nền áo màu vàng in họa tiết màu đen, cỡ XL thu giữ của bị cáo **N**. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo. Cơ quan CSĐT **Công an huyện G** đã trả lại số tài sản trên cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bà **Đinh Thị N2**, đã nhận lại 01 chiếc nhẫn kim loại bằng vàng (Au) loại nhẫn dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn khắc chữ và số “Kim Thành 9999”. **Vũ Văn D** nhận số tiền 21.880.000 đồng và chiếc nhẫn 01 chỉ loại vàng 9999 nhãn hiệu “Ngọc Diệp”, bà **N2** và ông **D** không yêu cầu bị cáo **N** phải



bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào. Do đó về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện G**, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện G**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Tạ Thị N** phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo **Tạ Thị N** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/06/2023.

**2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth biển kiểm soát 35B1- 492.86 và 01 điện thoại đi động màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03 Core.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bút lông bảng WB-03, mực màu đen.

*Chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/08/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G*

**3. Về án phí:** bị cáo **Tạ Thị N** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.



Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Cơ quan Điều tra CA huyện Gia Viễn;
- Cơ quan THA hình sự CA huyện Gia Viễn;
- Chi cục THA dân sự huyện Gia Viễn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Xuân Tường**